|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 03/BC-BTP | *Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2023* |

#### BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

**Tài liệu trình bày tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức**

**cơ quan Bộ Tư pháp năm 2022**

Thực hiện quy định về công khai tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Thông tư số 61/2005/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Bộ Tư pháp báo cáo công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021, đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2022 và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Tư pháp công khai các nội dung như sau:

**Phần I**

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**A. QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

**I. Số liệu quyết toán**

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp đã giao Cục Kế hoạch - Tài chính tiến hành kiểm tra xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 đối với 28 đầu mối gồm 26 đơn vị dự toán thuộc Bộ quản lý, 01 Ban quản lý dự án tài trợ nước ngoài và Quỹ Thi đua khen thưởng ngành. Các đơn vị dự toán cấp II thuộc Bộ đã thực hiện việc quyết toán ngân sách năm 2021 cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo phân cấp của Bộ Tư pháp, vì vậy, Cục Kế hoạch - Tài chính chỉ tiến hành thẩm định số liệu quyết toán trên cơ sở báo cáo tổng hợp của các đơn vị dự toán cấp II thuộc Bộ.

Sau khi kiểm tra, xét duyệt quyết toán tại các đơn vị, Cục Kế hoạch - Tài chính đã tổng hợp đề xuất Lãnh đạo Bộ xử lý những tồn tại, vướng mắc qua kiểm tra quyết toán năm 2021 trước khi tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Bộ Tư pháp gửi Bộ Tài chính và Kiểm toán nhà nước theo quy định.

Số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Tư pháp như sau:

1. **Thực hiện dự toán thu phí, lệ phí, thu hoạt động sự nghiệp**

- Thu phí, lệ phí

Tổng dự toán thu phí, lệ phí Nhà nước giao cho Bộ Tư pháp thực hiện là 396.329 triệu đồng; số Bộ Tư pháp thu được là 350.961 triệu đồng, đạt 89%. Hầu hết các đơn vị đều không đạt dự toán giao thu NSNN do ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Thu khác (thu sự nghiệp): Bộ Tư pháp giao thu sự nghiệp cho các đơn vị trên cơ sở dự kiến và đề xuất của các đơn vị sự nghiệp.

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng một số cơ sở giáo dục, đào tạo đã kịp thời đổi mới cách thức tổ chức đào tạo (chuyển một số lớp đào tạo, bồi dưỡng sang hình thức đào tạo trực tuyến) nên vẫn đạt mức thu theo kế hoạch và vượt dự toán được giao như: Trường Đại học Luật Hà Nội (đạt 100%), Học viện Tư pháp (đạt 155%), Trường Cao đẳng Luật Miền Trung (đạt 104%), Trung tâm Thông tin thuộc Cục Công nghệ thông tin (đạt 147%), Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (đạt 198%), Báo Pháp luật Việt Nam (đạt 122%), Nhà Xuất bản Tư pháp (đạt 135%).

Tuy nhiên, cũng có một số đơn vị không đạt mức thu dự kiến như: Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia (phần thu khác đạt 85% dự toán); Trường Cao đẳng Luật miền Nam (đạt 41% dự toán); Trường Cao đẳng Luật miền Bắc (đạt 79% dự toán); Trung tâm của Cục Công tác phía Nam (đạt 13%).

1. **Thực hiện dự toán thu phí, lệ phí**

**Bảng 1: Dự toán thu phí, lệ phí**

*ĐVT: đồng*

| **Chỉ tiêu** | **Nội dung** | **Dự toán** | **Thực hiện** | **Chênh lệch (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| **I** | **PHÍ** |   |   |   |
|  | *Tổng số thu* | *391.094.000.000* | *347.992.245.002* | *89* |
|  | *Số nộp NSNN* | *141.543.000.000* | *129.945.137.459* | *92* |
|  | *Số phải trả cho cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát* |  | *4.305.216.000* |  |
|  | *Số phí để lại* | *249..551.000.000* | *213.741.891.543* | *86* |
| 1 | Phí lý lịch tư pháp |   |   |  |
|   | - Tổng số thu | 5.000.000.000 | 9.321.600.000 | *186* |
|   | - Số phải nộp NSNN | 1.498.000.000 | 2.177.630.000 | *145* |
|  | - *Số phải trả cho cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát* |  | 4.305.216.000 |  |
|   | - Số được khấu trừ hoặc để lại | 3.502.000.000 | 2.838.754.000 | *81* |
| 2 | Phí giao dịch bảo đảm |   |   |  |
|   | - Tổng số thu | 60.800.000.000 | 44.889.255.300 | *74* |
|   | - Số phải nộp NSNN  | 178.906.000.000 | 13.032.810.513 | *72* |
|   | - Số được khấu trừ hoặc để lại | 42.894.000.000 | 31.856.444.787 | *75* |
| 3 | Phí lĩnh vực Bổ trợ tư pháp |   |   |  |
|   | - Tổng số thu | 5.294.000.000 | 3.120.700.500 | *59* |
|   | - Số phải nộp NSNN  | 1.339.000.000 | 913.537.226 | *68* |
|   | - Số được khấu trừ hoặc để lại | 3.955.000.000 | 2.207.163.274 | *56* |
| 4 | Phi thi hành án dân sự |   |   |  |
|   | - Tổng số thu | 320.000.000.000 | 290.660.689.202 | *91* |
|   | - Số phải nộp NSNN  | 120.800.000.000 | 113.821.159.720 | *94* |
|   | - Số được khấu trừ để lại  | 199.200.000.000 | 176.839.529.482 | *89* |
| **II** | **LỆ PHÍ** | 5.235.000.000 | 2.570.081.000 | *49* |
| 1 | Lệ phí lĩnh vực bổ trợ tư pháp | 175.000.000 | 112.081.000 | *64* |
| 2 | Lệ phí nuôi con nuôi | 5.060.000.000 | 2.458.000.000 | *49* |

**b) Thu sự nghiệp**

**Bảng 2: Chi tiết số thu sự nghiệp**

*ĐVT: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **KẾ HOẠCH NĂM 2021** | **THỰC HIỆN NĂM 2021** | **SO SÁNH (%)** |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3=2/1** |
|   | **TỔNG SỐ** | **422.507.000.000** | **489.018.934.848** | ***116%*** |
| **I** | **Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề** | **299.707.000.000** | **344.406.156.513** | **115%** |
| **1** | **Cơ sở giáo dục - đào tạo** | **282.026.000.000** | **333.144.257.578** | **118%** |
| 1.1 | Đại học Luật Hà Nội | 187.000.000.000 | 186.129.887.415 | 99% |
| 1.2 | Học viện Tư pháp | 95.026.000.000 | 147.014.370.163 | 155% |
| **2** | **Cơ sở dạy nghề** | **17.681.000.000** | **11.261.898.935** | **64%** |
| 2.1 | Trường TCL Tây Bắc | 2.200.000.000 | 2.369.376.840 | 108% |
| 2.2 | Trường Cao đẳng Luật Miền Nam | 7.560.000.000 | 3.096.233.095 | 41% |
| 2.3 | Trường Cao đẳng Luật Miền Trung | 2.571.000.000 | 3.067.497.600 | 119% |
| 2.4 | Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc | 5.350.000.000 | 2.728.791.400 | 51% |
| **II** | **Sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác** | **122.800.000.000** | **144.612.778.335** | **118%** |
| 1 | Báo pháp luật Việt Nam | 65.000.000.000 | 75.538.075.184 | 116% |
| 2 | Nhà xuất bản tư pháp | 40.000.000.000 | 53.867.745.690 | 135% |
| 3 | Ban Quản lý đầu tư xây dựng | 600.000.000 | 913.916.000 | 152% |
| 4 | Tạp chí dân chủ và pháp luật | 250.000.000 | 495.207.500 | 198% |
| 5 | Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia | 14.970.000.000 | 12.743.395.170 | 85% |
| 6 | Trung tâm thông tin (Cục CNTT) | 600.000.000 | 881.726.891 | 147% |
| 7 | Trung tâm thông tin hỗ trợ pháp luật (Cục CTPN) | 1.380.000.000 | 172.711.900 | 13% |

1. **Thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước**

**a) Quyết toán chi ngân sách trong nước**

**-** Số dư năm 2020 chuyển sang 2021: 24.421.534.154 đồng

- Số dự toán được giao trong năm: 2.200.204.408.358 đồng

- Số kinh phí thực nhận trong năm: 2.012.007.662.987 đồng

- Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: 1.945.197.706.305 đồng

- Số kinh phí giảm trong năm: 206.762.799.557 đồng

- Số kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau: 72.665.436.650 đồng

b) Quyết toán chi nguồn phí được để lại sử dụng

**-** Số dư năm 2020 chuyển sang 2021: 171.545.069.798 đồng

- Số dự toán được giao trong năm: 249.551.000.000 đồng

- Số kinh phí thu được trong năm: 213.741.891.543 đồng

- Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: 159.500.531.002 đồng

- Số kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau: 225.786.430.339 đồng

c) Quyết toán nguồn vốn viện trợ không hoàn lại

**-** Số dư năm 2020 chuyển sang 2021: 13.928.464.526 đồng

- Số dự toán được giao trong năm: 29.500.000.000 đồng

- Số kinh phí thực nhận trong năm: 23.448.132.122 đồng

- Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: 19.568.299.630 đồng

- Số kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau: 17.808.297.018 đồng

Nhìn chung dự toán Bộ giao cho các đơn vị đáp ứng được nhu cầu chi hoạt động, tạo điều kiện cho các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các đơn vị đã quản lý chặt chẽ các khoản chi và tiết kiệm được kinh phí để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động:

- Các đơn vị quản lý hành chính thuộc Bộ chi thu nhập tăng thêm từ 3,2 đến 7 tháng lương. Khối cơ quan thi hành án dân sự chi thu nhập tăng thêm bình quân với mức chi bình quân là 3,4 tháng lương do chi phí quản lý hành chính được cấp phải chi nhiều cho đối tượng hợp đồng lao động (kế toán nghiệp vụ, bảo vệ, lái xe, tạp vụ), vì vậy kinh phí tiết kiệm còn lại thấp.

*(Chi tiết theo Phụ lục số I đính kèm)*

- Các đơn vị sự nghiệp chi thu nhập tăng thêm, khen thưởng, phúc lợi trung bình từ 0,5 tháng lương đến 30 tháng lương (cao nhất là 03 Trung tâm thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm)

*(Chi tiết theo Phụ lục số II đính kèm)*

***Ghi chú:*** Số liệu quyết toán nêu trên là số Bộ Tư pháp đã quyết toán tại các đơn vị và tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước. Sau khi Bộ Tài chính có Thông báo quyết toán NSNN năm 2021 cho Bộ Tư pháp, Bộ sẽ công khai theo quy định của pháp luật.

**3. Một số tồn tại trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước cấp**

Đa số các đơn vị đã chấp hành, thực hiện tốt các chỉ tiêu dự toán được giao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dự toán còn một số tồn tại như sau:

***3.1. Việc hủy dự toán NSNN năm 2021 là 132.774.823.376 đồng (tăng so với năm 2020*** ***30.248.913.262 đồng)***

*(1) Hủy do không thực hiện được nhiệm vụ hoặc lập dự toán không sát*

Bên cạnh khoản hủy dự toán do thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP (37 tỷ đồng) và hủy theo quy định của pháp luật một số đơn vị để hủy dự toán do không thực hiện hết nhiệm vụ hoặc lập dự toán không sát với thực tế.

Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch bệnh, các đơn vị không dự báo được khả năng thực hiện nhiệm vụ, vì vậy đơn vị không báo cáo hoặc báo cáo không kịp thời để Bộ điều chuyển kinh phí trên sang thực hiện nhiệm vụ khác trước ngày 30/6 theo quy định của Nghị quyết số 58/NQ-CP dẫn đến hủy dự toán như Cục xử lý vi phạm hành chính, Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Dân sự kinh tế, Cục Bổ trợ tư pháp, Viện Khoa học pháp lý.

*(2) Kinh phí vụ kiện quốc tế không sử dụng hết:* 40.195.344.354 đồng.

***3.2. Một số nội dung khác trong quá trình thực hiện ngân sách***

- Hầu hết các đơn vị chưa chủ động trong việc lập kế hoạch thanh toán kinh phí để thực hiện đều trong các tháng trong năm mà thường dồn về quý IV để thực hiện nên gây khó khăn, áp lực cho công tác kiểm tra, kiểm soát chứng từ và thanh quyết toán với kho bạc nhà nước.

- Trường Cao đẳng Luật miền Nam: Kế toán mới đã tiếp quản công việc gần 2 năm nhưng đến thời điểm kiểm tra quyết toán đơn vị chưa lập được báo cáo tài chính, kế toán chưa sử dụng thành thạo phần mềm, hạch toán không đúng các nghiệp vụ kế toán.

- Đối với khoản kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án của cơ quan THADS không thực hiện được (gói thầu mua sắm máy scan bị hủy thầu vào thời điểm kết thúc năm ngân sách không còn thời gian để tổ chức đấu thầu lại), theo quy định thì khoản kinh phí này phải hủy dự toán, tuy nhiên có 01 Chi cục THADS tự điều chỉnh kinh phí sang thực hiện nhiệm vụ khác và 01 Chi cục THADS làm thủ tục chuyển nguồn sang năm 2022.

- Một số đơn vị quyết toán chưa đúng mục, tiểu mục của Mục lục NSNN.

***3.3. Việc quản lý, sử dụng phí thi hành án dân sự***

Qua biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Tổng cục THADS với các cơ quan thi hành án dân sự địa phương cho thấy về cơ bản các cơ quan thi hành án dân sự đã sử dụng nguồn phí thi hành án theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước; việc sử dụng nguồn kinh phí này cơ bản đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Thực hiện quy định của Nhà nước về việc trích lập nguồn kinh phí cải cách tiền lương, các cơ quan thi hành án dân sự đã trích 40% nguồn phí được để lại sử dụng để cải cách tiền lương theo quy định. Tuy nhiên, so với số phải tiết kiệm của năm 2019 trở về trước, các cơ quan THADS tiếp tục phải trích để bù đắp số còn thiếu là 91.056.635.673 đồng theo văn bản thẩm định của Bộ Tài chính.

 **4. Về hạch toán kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, chấp hành chế độ chi tiêu**

 ***a) Về hạch toán kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính***

Về cơ bản, các đơn vị hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trên sổ sách kế toán, hạch toán tương đối chính xác các nội dung chi theo mục, tiểu mục của Mục lục NSNN.

***b) Về chấp hành chế độ chi tiêu***

Các khoản chi trong năm các đơn vị chi theo định mức, tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Về cơ bản, các đơn vị chấp hành tương đối tốt các quy định, một số nội dung vi phạm từ các năm trước, năm 2021 các đơn vị đã khắc phục được như: tự ý điều chỉnh kinh phí các nhiệm vụ; chi tiền rà soát văn bản, xây dựng báo cáo kiểm tra không có chế độ.

Còn một số nội dung các đơn vị vẫn vi phạm trong quá trình thực hiện dự toán, cụ thể:

- Trong quá trình thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản, bảo trì trụ sở, một số đơn vị còn chưa thực hiện đầy đủ quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn đối với một số gói thầu có giá gói thầu dưới 100 triệu đồng; không lựa chọn được nhà thầu dẫn đến hủy dự toán với khoản lớn (Tổng cục THADS, Chương trình 81);

- Đối với việc thanh toán kinh phí xây dựng các phần mềm của Cục Công nghệ thông tin cho các nhà thầu, hồ sơ thanh toán bao gồm biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng ký kết giữa Cục Công nghệ thông tin và nhà thầu, chưa có ý kiến của đơn vị trực tiếp sử dụng phần mềm.

- Tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, do khối lượng công việc quá lớn, đơn vị phải thực hiện duy trì ký các lao động hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn.

**c)** **Về chứng từ kế toán**

Hầu hết các đơn vị đều tập hợp chứng từ đầy đủ, sắp xếp bảo quản tốt. Nhìn chung trên chứng từ thể hiện đầy đủ các yếu tố pháp lý. Tuy nhiên, chứng từ chi của các đơn vị còn một số tồn tại như: Hồ sơ thanh toán kinh phí tổ chức các cuộc họp, viết chuyên đề còn sai sót kỹ thuật; Chứng từ thanh toán chưa đầy đủ: trong một số trường hợp còn thiếu kế hoạch công tác, giấy đi đường chưa đóng dấu, giấy báo làm thêm giờ chưa đầy đủ thông tin;

**5. Về tình hình thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm tra**

Về cơ bản các đơn vị thuộc Bộ thực hiện nghiêm chỉnh các kết luận thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của các cơ quan chức năng, tuy nhiên còn một số nội dung các đơn vị chưa thực hiện đầy đủ như:

- Quỹ thi đua khen thưởng: tại Thông báo kiểm tra Quyết toán số 4203/TB-BTP ngày 12/11/2021 đơn vị phải thu hồi kinh phí khen thưởng năm 2019 và năm 2020 số tiền 210.980.000 đồng, tuy nhiên đến thời điểm kiểm tra quyết toán năm 2021, Quỹ vẫn chưa thu hồi đủ số tiền trên (số còn phải thu là: 168.131.000 đồng).

- Khối cơ quan THADS: đối với kiến nghị thu hồi và nộp NSNN của kiểm tra, thanh tra các năm trước của 19 Cơ quan thi hành án dân sự là 2.153.648.984 đồng, các đơn vị mới thực hiện nộp NSNN 41.906.197 đồng, số còn phải xử lý 2.111.742.787 đồng. Trong đó, khoản kinh phí phải hoàn trả NSNN 316.735.002 của 02 công chức gây lỗi trong các vụ việc bồi thường nhà nước, đảm bảo tài chính, các đơn vị chưa thu hồi hết do 01 công chức phạm lỗi đã nghỉ việc từ năm 1996 không liên lạc được, 01 người phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đang thi hành án phạt tù và kết quả xác minh cho thấy người này không có bất kỳ tài sản gì để thi hành án.

- Trung tâm tư vấn pháp luật Học viện Tư pháp và Trung tâm tư vấn pháp luật Đại học Luật Hà Nội chưa xây dựng phương án tự chủ theo đúng quy định tại Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.

**6. Về quản lý nguồn viện trợ**

Trong năm, Ban Quản lý dự án chuyên trách của Bộ chưa làm thủ tục xác nhận viện trợ số tiền: 3.991.432.482 đồng do một số dự án còn vướng mắc về các thủ tục pháp lý và số tiền nhà tài trợ chuyển vào cuối năm dẫn đến chưa kịp xác nhận viện trợ.

**7. Về công tác kiểm tra, xét duyệt quyết toán các đơn vị trực thuộc**

Tại thời điểm kiểm tra, các đơn vị dự toán cấp 2 hầu hết đã tiến hành xét duyệt quyết toán các đơn vị dự toán cấp 3 theo đúng quy định, chỉ còn Học viện Tư pháp chưa có Đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2021 đối với Trung tâm Tư vấn pháp luật vì Trung tâm nộp hồ sơ báo cáo tài chính muộn và chưa có báo cáo giải trình một số nội dung chi, định mức chi, hoàn thiện chứng từ thu chi theo quy định.

**B. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022**

**I. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN 2022**

 **1. Số thu phí, lệ phí**

**Bảng 3: Tổng hợp kết quả thu phí, lệ phí năm 2022**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thực hiện năm 2021** | **Năm 2022** | **So sánh ước thực hiện năm 2022 với năm 2021 (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dự toán** | **Ước thực hiện** | **Tỉ lệ (%) đạt được** |
| A | B | 1 | 2 | 3 |  4=3/2 | 5=3/1 |
|  | **TỔNG CỘNG** | **349.667** | **399.698** | **391.973** | **98,07** | **112,10** |
| **I** | **SỐ THU LỆ PHÍ**  | **1.674** | **5.235** | **2.625** | **50,00** | **156,81** |
| 1 | Cục Bổ trợ Tư pháp | 112 | 225 | 225 | 100,00 | 200,89 |
| 2 | Cục Con nuôi | 1.562 | 5.025 | 2.400 | 47,76 | 153,65 |
| **II** | **SỐ THU PHÍ** | **347.993** | **391.094** | **389.348** | **98,71** | **111,88** |
| 1 | Cục Bổ trợ Tư pháp | 3.121 | 6.648 | 6.648 | 100,00 | 213,01 |
| 2 | Cục đăng ký quốc gia GDBĐ và 03 Trung tâm thuộc Cục | 44.889 | 54.800 | 51.700 | 94,34 | 115,17 |
| 3 | Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia | 9.322 | 13.000 | 11.000 | 84,62 | 118,00 |
| 4 | Tổng cục Thi hành án dân sự | 290.661 | 320.000 | 320.000 | 100,000 | 110,10 |

*(Chi tiết từng đơn vị, từng khoản thu phí, lệ phí theo Phụ lục số III đính kèm)*

Tổng dự toán thu Bộ giao các đơn vị thực hiện năm 2022 là 399.698 triệu đồng, các đơn vị báo cáo thực hiện ước đạt 391.973 triệu đồng, ước đạt 98,07% so với dự toán. Trong đó:

- Số thu lệ phí ước đạt 50,00% so với dự toán;

- Số thu phí ước đạt 98,71% so với dự toán.

**2. Số thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp có thu**

**Bảng 4: Tổng hợp số thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ năm 2022**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Tên đơn vị** | **Thực hiện 2021** | **Ước thực hiện 2022** | **Tỷ lệ % năm 2022 so với năm 2021** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3=2/1\*100** |
| 1 | Báo Pháp luật Việt Nam | 76.608 | 62.000 | 81% |
| 2 | Nhà xuất bản Tư pháp | 53.868 | 45.000 | 84% |
| 3 | Tạp chí Dân chủ và Pháp luật | 481 | 600 | 125% |
| 4 | Trung tâm Thông tin (Cục CNTT ) | 881 | 900 | 102% |
| 5 | Trường ĐH Luật Hà Nội | 182.307 | 207.600 | 114% |
| 6 | Học viện Tư pháp | 147.013 | 147.019 | 100% |
| 7 | Trường Cao đẳng Luật miền Bắc | 3.285 | 4.373 | 113% |
| 8 | Trường Cao đẳng Luật miền Trung | 3.067 | 3.619 | 118% |
| 9 | Trường Cao đẳng Luật miền Nam | 1.750 | 3.538 | 202% |
|  | **Tổng cộng** | **469.260** | **474.649** |  |

**II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

***1.1. Giao dự toán đầu năm***

Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 Bộ Tư pháp được giao theo Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 là **2.376.960 triệu đồng**, trong đó: vốn trong nước là 2.326.170 triệu đồng, vốn ngoài nước (vốn viện trợ các dự án theo kế hoạch tài trợ): 50.790 triệu đồng, bao gồm:

**- Chi quản lý nhà nước (là loại chi chủ yếu của Bộ Tư pháp): 2.299.710 triệu đồng, trong đó: vốn ngoài nước: 50.790 triệu đồng, vốn trong nước: 2.248.920 triệu đồng;**

**- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: 58.690 triệu đồng;**

**- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 13.450 triệu đồng;**

- Sự nghiệp kinh tế: 500 triệu đồng;

- Sự nghiệp bảo vệ môi trường: 4.110 triệu đồng;

- Sự nghiệp văn hóa thông tin: 500 triệu đồng.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Bộ Tư pháp đã tổ chức phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị dự toán (Quyết định số 1952/QĐ-BTP ngày 30/12/2021); đồng thời báo cáo Bộ Tài chính để kiểm tra phân bổ theo quy định[[1]](#footnote-1).

***1.2. Bổ sung dự toán chi thường xuyên trong năm***

Đến ngày 30/12/2022, ngoài kinh phí chi thường xuyên được giao theo các Quyết định số 2047/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp còn được giao bổ sung ***209.606*** triệu đồng, gồm:

- Chi bảo đảm xã hội (Loại 370-398): 1.000 triệu đồng

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 11.088 triệu đồng, trong đó: (1) Chương trình phát triển kinh tế xã hội: 3.188 triệu đồng; (2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 4.900 triệu đồng; (3) Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: 3.000 triệu đồng.

- Chi đào tạo cán bộ Lào, Campuchia (Loại 400-402): 4.524 triệu đồng

- Chi hỗ trợ HVTP Lào (Loại 400-402): 11.863 triệu đồng

- Chi quản lý nhà nước (Loại 340-341): kinh phí vụ kiện: 181.131 triệu đồng.

***1.3. Dự toán điều chỉnh giảm***

Trong năm 2022, Bộ có 02 lần điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị số tiền 4.865 triệu đồng, trong đó: (1) Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên của Viện Khoa học pháp lý 1.084 triệu đồng; (2) Kinh phí điều chỉnh giảm của Trường TCL Tây Bắc chuyển giao về UBND tỉnh Sơn La 3.781 triệu đồng.

Với số kinh phí được giao đầu năm và số điều chỉnh, bổ sung trong năm nêu trên, Bộ trưởng giao ngân sách cho các đơn vị dự toán quản lý và sử dụng (trên cơ sở đề xuất của đơn vị và tham mưu, tổng hợp của Cục Kế hoạch – Tài chính), cụ thể như sau:

**Bảng 5: Tổng hợp dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản kinh phí** | **Tổng số** | **Khối QLHC thuộc Bộ** | **Khối THADS** | **Khối đơn vị sự nghiệp** |
|   | **Tổng cộng** | **2.530.187** | **418.576** | **2.022.356** | **89.255** |
| 1 | Quản lý nhà nước (\*) | **2.430.051** | 401.794 | 2.013.663 | 14.594 |
| 2 | Sự nghiệp giáo dục, đào tạo (\*\*) | **54.909** | 4.694 | 8.693 | 44.070 |
| 3 | Sự nghiệp khoa học công nghệ (\*\*\*) | **12.366** |  |  | 12.366 |
| 4 | Sự nghiệp kinh tế | **500** |  |  | 500 |
| 5 | Sự nghiệp bảo vệ môi trường | **4.110** |  |  | 4.110 |
| 6 | Chi SN văn hóa thông tin | **500** |  |  | 500 |
| 7 | Chi bảo đảm xã hội | **1.000** | 1.000 |  |  |
| 8 | Chi chương trình mục tiêu | **11.088** | 11.088 |  |  |
| 9 | Chi viện trợ | **15.663** |  |  | 15.663 |

**Ghi chú:**

(\*) Chi quản lý nhà nước không bao gồm vốn ngoài nước và kinh phí vụ kiện.

(\*\*) Chi sự nghiệp giáp dục, đào tạo đã tính giảm kinh phí điều chỉnh giảm của trường TCL Tây Bắc chuyển giao về UBND tỉnh Sơn La 3.781 triệu đồng theo Nghị quyết của UBTV Quốc hội.

(\*\*\*) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ đã tính giảm kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên của Viện Khoa học pháp lý 1.084 triệu đồng

**1. Khối quản lý hành chính thuộc Bộ**

Trên cơ sở dự toán NSNN năm 2022 được giao, nhìn chung các đơn vị đã thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt đầu năm.

***1.1. Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ***

- *Nhóm chi cho con người:* Bộ cấp đủ tiền lương, phụ cấp theo quy định;

- *Nhóm chi thường xuyên theo định mức*: Căn cứ định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và định mức phân bổ của Bộ tại Quyết định số 1951/QĐ-BTP ngày 30/12/2021, Bộ giao định mức chi thường xuyên NSNN năm 2022 cho các cơ quan thuộc Bộ theo định mức 50 triệu đồng/biên chế (cao hơn định mức năm 2021 số tiền 11 triệu đồng/biên chế), ngoài ra cân đối bố trí trong định mức một số khoản kinh phí hoạt động quản lý ngành, kinh phí hoạt động đoàn thể, đoàn ra, đoàn vào, mua sắm, sửa chữa tài sản, xây dựng văn bản QPPL, đảm bảo tuân thủ định mức được giao tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

Trong điều kiện các chi phí tăng (điện, nước, văn phòng phẩm, công tác phí...)*,* mức lương tối thiểu năm 2022 không tăng, bằng nhiều hình thức tiết kiệm chi phí được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị, các đơn vị dự toán đã cân đối tiết kiệm kinh phí, cố gắng duy trì mức chi thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức, người lao động. Mức chi thu nhập tăng thêm của các đơn vị cơ bản bằng mức năm 2021; một số đơn vị có giảm nhẹ so với năm trước, cụ thể: số chi dự kiến thu nhập tăng thêm của từng đơn vị (bao gồm cả chi phúc lợi các ngày lễ, tết trong năm) như sau: *Văn phòng Bộ: 4 tháng, Cục Kế hoạch - Tài chính: 3,5 tháng, Thanh tra Bộ: 5 tháng, Cục Trợ giúp pháp lý: 5,8 tháng, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm: 4 tháng, Cục Công nghệ thông tin: 3 tháng, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: 4 tháng, Cục Con nuôi: 3,8 tháng, Cục Công tác phía Nam: 2 tháng, Cục Bổ trợ Tư pháp: 5 tháng; Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực: 4 tháng, Cục Bồi thường nhà nước: 4,5 tháng, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính: 6 tháng*. Ngoài ra, các đơn vị, cá nhân có tham gia xây dựng, góp ý, thẩm định văn bản QPPL; hoạt động đánh giá, thẩm định hồ sơ về con nuôi còn được hỗ trợ kinh phí từ các hoạt động này (mức hưởng của từng cá nhân phụ thuộc vào mức độ tham gia vào các hoạt động nói trên).

***1.2. Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ***

Mặc dù ngân sách nhà nước còn khó khăn nhưng năm 2022, Bộ Tư pháp cũng đã được Chính phủ, Bộ Tài chính cấp kinh phí đảm bảo triển khai các nhiệm vụ như: triển khai các nhiệm vụ được giao tại các Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí sửa chữa bảo trì trụ sở cơ quan; kinh phí cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Tư pháp và kinh phí triển khai các nhiệm vụ đặc thù của các đơn vị. Trên cơ sở kinh phí được giao, Bộ đã phân bổ và kết quả triển khai tại các đơn vị dự toán cụ thể như sau:

*a) Kinh phí xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản QPPL* được đảm bảo đủ, theo tiến độ. Tuy nhiên, do chưa hết năm ngân sách nên chưa xác định được chính xác số văn bản không hoàn thành, phải thu hồi, trả lại NSNN. Qua làm việc trực tiếp với các đơn vị dự toán, một số đơn vị chưa hoàn thành đúng thời gian và số văn bản đã được cấp kinh phí trong năm 2022.

*b) Kinh phí mua sắm, sửa chữa, bảo trì tài sản*

*Đối với kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản*: Theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ban hành định mức chi thường xuyên ngân sách, thì định mức chi thường xuyên giao cho các đơn vị (50 triệu đồng/biên chế/năm) đã bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản, tuy nhiên, Bộ đã cân đối, bố trí cấp thêm ngoài định mức kinh phí mua sắm một số trang thiết bị, phương tiện làm việc có giá trị lớn đảm bảo công tác bí mật nhà nước như: máy photocopy, máy vi tính, máy in, máy hủy tài liệu. Tổng kinh phí đã bố trí năm 2022 là 1.900 triệu đồng (chưa bao gồm 980 triệu đồng kinh phí cấp từ nguồn tự chủ để trang bị loại tài sản trên cho khối Văn phòng Bộ). Trên cơ sở dự toán kinh phí được cấp, các đơn vị đã tổ chức mua sắm, sửa chữa đảm bảo tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

*c) Với số kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin được giao là 12.539 triệu đồng*, Cục Công nghệ thông tin đã tổ chức thực hiện quản lý, duy trì các hoạt động công nghệ thông tin trong Bộ; trang bị bổ sung hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp; xây dựng các phần mềm phục vụ công tác quản lý, điều hành lĩnh vực chuyên môn; triển khai thực hiện theo yêu cầu Đề án 06 của Chính phủ.

 *e) Bộ cũng đã bố trí đảm bảo thực hiện có hiệu quả các hoạt động* như: kinh phí triển khai các luật, nghị định, quyết định mới ban hành và kinh phí cho hoạt động chuyên môn đặc thù cho các đơn vị như: nghiệp vụ kiểm tra văn bản QPPL, nghiệp vụ trợ giúp pháp lý, nghiệp vụ lý lịch tư pháp quốc gia, nghiệp vụ bồi thường nhà nước, nghiệp vụ quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, nghiệp vụ thanh tra, nghiệp vụ của Vụ pháp luật quốc tế, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Vụ Pháp luật hình sự hành chính...

**2. Khối thi hành án dân sự**

Năm 2022, Bộ cấp kinh phí cho Hệ thống cơ quan THADS gồm kinh phí theo định mức chi quản lý hành chính và các khoản chi đặc thù ngoài định mức như: tạm ứng cưỡng chế, thuê trụ sở, kho tang vật, án điểm... Các chế độ về chi cho con người đảm bảo đúng theo chế độ như lương, phụ cấp thâm niên, phụ cấp thẩm tra viên, trang phục, trợ cấp khó khăn...

***2.1. Về kinh phí giao tự chủ tài chính***

Kinh phí giao tự chủ tài chính của khối THADS được giao theo biên chế kế hoạch là 8.960 người, đến 30/11/2022 số có mặt là 8.541 người, còn 419 bên chế chưa tuyển, các đơn vị được chủ động sắp xếp, bố trí và sử dụng cán bộ phù hợp với chuyên môn được đào tạo và công việc, thực hiện sắp xếp số lượng biên chế có mặt đảm bảo hoàn thành tốt công việc được giao, nhằm tăng nguồn kinh phí tiết kiệm để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức.

***2.2. Về kinh phí giao không tự chủ tài chính***

- Kinh phí mua sắm tài sản: kinh phí để thực hiện Đề án “Tăng cường trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025” số tiền 100.000 triệu đồng, Bộ đã phân bổ kinh phí và giao Tổng cục THADS tổ chức mua sắm các loại tài sản gồm: xe ô tô chuyên dùng 7-9 chỗ; hệ thống camera giám sát, báo động; tủ sắt bảo quản hồ sơ, tang vật; két sắt đặc chủng; tăng âm loa đài, máy chiếu, thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác THA; máy photocopy siêu tốc (trong đó một số tài sản mua sắm theo hình thức tập trung như tủ sắt bảo quản hồ sơ, tang vật; két sắt đặc chủng).

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động đặc thù của ngành thi hành án như: án điểm, tiêu huỷ tang vật, tạm ứng cưỡng chế, thừa phát lại... cấp cho các cơ quan thi hành án trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, giảm bớt các bức xúc về thi hành án trong xã hội.

- Trên cơ sở ngân sách Bộ giao, Tổng cục THADS cũng đã thực hiện phân bổ kinh phí cho các cơ quan THADS để thuê kho vật chứng, thuê trụ sở làm việc 7.000 triệu đồng; kinh phí may sắm trang phục THADS 33.500 triệu đồng; kinh phí bảo trì trụ sở 30.000 triệu đồng. Mặc dù khoản kinh phí này còn hạn chế nhưng đã phần nào đáp ứng được nhu cầu thuê và bảo trì kho, trụ sở của các đơn vị, góp phần giúp đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành.

**3. Khối học viện, nhà trường**

Trên cơ sở dự toán chi thường xuyên năm 2022 được giao, nguồn thu được để lại và phương án tự chủ tài chính được phê duyệt các đơn vị đã nỗ lực khai thác nguồn thu để trang trải các khoản chi phí, kết quả hoạt động tài chính trong năm của từng khối đơn vị cụ thể như sau:

- Khối các Cao đẳng Luật, nguồn thu của đơn vị rất thấp, không ổn định, số kinh phí chênh lệch thu chi chủ yếu các đơn vị sử dụng cho việc chi thu nhập tăng thêm và chi phúc lợi cho người lao động từ 01-02 tháng lương.

- Trường Đại học Luật Hà Nội và Học viện Tư pháp dự kiến chi thu nhập tăng thêm và phúc lợi khoảng từ 10-12 tháng lương.

Ngoài việc bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phương án giao khoán, các đơn vị đã được bố trí kinh phí triển khai kinh phí thực hiện miễn giảm học phí, kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên, kinh phí thực hiện chính sách nội trú, kinh phí xây dựng giáo trình, thuê giảng viên thỉnh giảng,...

**4. Các đơn vị sự nghiệp khác**

Ngày 05/9/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 116/NQ-CP về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công cập trong năm 2022, theo đó, “*đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định đã được giao quyền tự chủ tài chính theo quy định …tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hết năm 2022”.*

Thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP, Bộ đã ban hành các Quyết định giao tự chủ năm 2022 và điều chỉnh kinh phí để đơn vị thực hiện đầy đủ cơ chế tự chủ tài chính theo các Nghị định, Nghị quyết và hướng dẫn đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

**5. Kết quả thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của các đơn vị dự toán đến thời điểm ngày 20/12/2022 được Cục Kế hoạch-Tài chính tổng hợp trên Hệ thống tabmis (*Chi tiết xem Phụ lục VIII đính kèm*)**

Năm 2022, Cục Kế hoạch - Tài chính đã thực hiện nhiều giải pháp quản lý sát sao, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân dự toán ngân sách nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế trong giải ngân dự toán kinh phí chậm các năm trước như: (i) Yêu cầu các đơn vị dự toán thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán hàng quý, qua đó, nắm bắt được số liệu giải ngân kinh phí của các đơn vị, kịp thời đôn đốc, báo cáo lãnh đạo Bộ các nhiệm vụ chưa thực hiện để điều chỉnh cho các nhiệm vụ chi cần bổ sung kinh phí; (ii) Thường xuyên khai thác, sử dụng dữ liệu về tình hình thực hiện dự toán của các đơn vị trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách (Tabmis) để có văn bản đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân kinh phí tại các đơn vị dự toán.

Đến thời điểm ngày 20/12/2022, theo thông tin trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (tabmis), tỷ lệ giải ngân kinh phí của các đơn vị tính bình quân đạt 75%.

**IV. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

1. Việc thực hiện một số Chương trình, Đề án lớn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có tỷ lệ giải ngân thấp.

2. Nhu cầu kinh phí bảo trì, sửa chữa trụ sở rất lớn nhưng ngân sách nhà nước mới chỉ bố trí được một phần, chỉ mới cấp cho các trụ sở có nhu cầu cấp bách và chi phí được cấp mới chỉ đáp ứng được việc sửa chữa được các hạng mục cần thiết, chưa sửa chữa hết các hạng mục hư hỏng, xuống cấp.

3. Một số đơn vị báo cáo hoàn trả kinh phí cho Bộ chậm nên Bộ không điều chỉnh cho các đơn vị khác có nhu cầu do không đủ thời gian cho đơn vị thực hiện.

**C. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023[[2]](#footnote-2)**

**I. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN 2023**

Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 Bộ Tư pháp được giao theo Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 là **2.429.040 triệu đồng**, trong đó: vốn trong nước là **2.380.960 triệu đồng**, vốn ngoài nước (vốn viện trợ các dự án theo kế hoạch tài trợ): **48.080 triệu đồng**.

**1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023**

**Bảng 6: Tổng hợp kết quả thu phí, lệ phí năm 2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Dự toán giao năm 2022 (trđ)** | **Năm 2023** |
| **Dự toán giao năm 2023 (trđ)** | **So với năm 2022 (trđ)** | **So với năm 2022(%)** |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3=2-1** | **4=2/1\*100** |
|  | **DỰ TOÁN THU NSNN** |  |  |  |  |
| **1** | **Số thu phí, lệ phí** | **399.698** | **454.137** | **54.439** |  |
|   | Thu phí | 394.448 | 449.332 | 54.884 | 114% |
|   | Thu lệ phí  | 5.250 | 4.805 | -445 | 92% |
| **2** | **Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại** | **252.490** | **307.729** | **55.239** |  |
|   | Quản lý hành chính | 252.490 | 345.229 | 55.239 | 137% |
| **3** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | **147.208** | **108.908** | **-38.300** | **74%** |

***Ghi chú***: số phí, lệ phí nộp NSNN năm 2023 giảm so với năm 2022 vì trong năm 2022, ngoài nộp NSNN theo các Thông tư của Bộ Tài chính, đơn vị thu phí còn phải nộp NSNN gần 21% số thu theo Quyết định giao của Thủ tướng và Bộ Tài chính.

Tổng dự toán thu phí, lệ phí Bộ giao cho các đơn vị năm 2023 là 454.137 triệu đồng, tăng 50.000 triệu đồng so với số giao của Thủ tướng, Bộ Tài chính do năm 2022, theo báo cáo của Tổng cục THADS tại Tờ trình số 4210/TTr-TCTHADS ngày 16/12/2022, năm 2022, Tổng cục thu vượt dự toán giao trong năm 50.000 triệu đồng. Phần thu vượt dự toán chưa được giao trong năm 2022 phải được giao trong năm 2023 thì đơn vị mới được sử dụng.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

Số liệu dự toán chi thường xuyên dự kiến năm 2023 nguồn vốn trong nước so sánh với năm 2022 được thể hiện tại Bảng dưới đây:

**Bảng 7: Tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Dự toán giao năm 2022 (trđ)** | **Năm 2023** |
| **Dự toán được giao (trđ)** | **So với năm 2022 (trđ)** | **So với năm 2022****(%)** |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3=2-1** | **42/1\*100** |
| **I** | **CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN** |  |  |  |  |
|  1 | Vốn trong nước |  |  |  |  |
|  2 | Vốn nước ngoài |  |  |  |  |
| **II** | **DỰ TOÁN CHI NSNN**  | **2.334.477** | **2.408.542** | **74.065** |  |
| 1 | Chi quản lý nhà nước  | 2.248.920 | 2.306.680 | 57.760 | 102,57% |
| 2 | Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 54.909 | 55.000 | 91 | 100,17% |
| 3 | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ | 13.450 | 14.810 | 1.360 | 110,11% |
|  4 | Chi các hoạt động kinh tế | 500 | 500 | 0 | 100,00% |
| 6 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | 4.110 | 2.470 | -1.640 | 60,10% |
| 7 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | 500 | 500 | 0 | 100,00% |
| 8 | Chi bảo đảm xã hội | 1.000 | 1.000 | 0 | 100,00% |
| 9 | Chi chương trình mục tiêu | 11.088 | 27.582 | 16.494 | 248,76% |

**Ghi chú:**

*(1) Năm 2022 không bao gồm vốn ngoài nước và kinh phí vụ kiện, chi viện trợ Lào, Campuchia 15.663 triệu đồng, Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo đã tính giảm kinh phí điều chỉnh giảm của trường TCL Tây Bắc chuyển giao về UBND tỉnh Sơn La 3.781 triệu đồng.*

*(2) Năm 2023 không bao gồm vốn ngoài nước và kinh phí vụ kiện.*

**B. PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023**

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi năm 2023 của các đơn vị và chế độ hiện hành, Bộ phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị dự toán, cụ thể như sau:

**I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**1. Số thu phí, lệ phí: 454.137** **triệu đồng**

Tổng dự toán thu phí, lệ phí Bộ giao cho các đơn vị năm 2023 là 454.137 triệu đồng, cụ thể như sau:

(1) Cục và các Trung tâm đăng ký của Cục Đăng ký QGGDBĐ: 60.600 triệu đồng;

(2) Cục Con nuôi: 4.640 triệu đồng;

(3) Cục Bổ trợ Tư pháp: 6.097 triệu đồng;

(4) Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia: 11.000 triệu đồng;

 (5) Cơ quan Thi hành án dân sự địa phương: 370.000 triệu đồng.

**2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại: 345.229 triệu đồng**

**3. Số phí, lệ phí nộp NSNN: 108.908 triệu đồng**

*(Chi tiết từng khoản phí, lệ phí, từng đơn vị theo Phụ lục III đính kèm)*

**II. DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN 2023**

**1. Nguyên tắc phân bổ chi thường xuyên năm 2023**

Trên cơ sở cân đối dự toán ngân sách được giao và nhu cầu kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ chi năm 2023, việc phân bổ dự toán NSNN năm 2023 được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**1.1. Phân bổ vốn trong nước**

*1.1.1. Chi quản lý nhà nước*

a) Đối với kinh phí giao thực hiện tự chủ

(1) Căn cứ vào biên chế được Bộ trưởng giao cho các đơn vị năm 2023.

(2) Chi đảm bảo tiền lương, các khoản đóng góp cho các cơ quan hành chính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng, gồm:

- Tiền lương thực tế của số biên chế có mặt: xác định bằng tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo số liệu các đơn vị báo cáo căn cứ bảng lương thực tế tháng 11 năm 2022;

- Tiền lương và các khoản đóng góp của số biên chế chưa tuyển dụng, Bộ cấp cho đơn vị theo mức 2,34 x 1,490 triệu đồng/tháng x 1,225 x 12 tháng, bao gồm cả số nộp BHXH, BHYT, KPCĐ;

- Trừ quỹ lương tinh giản biên chế trong năm 2023.

(3) Chi thường xuyên theo định mức của các cơ quan hành chính:

Phân bổ theo định mức quy định tại Quyết định số 1951/QĐ-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp. Số giao bao gồm số trích nguồn cải cách tiền lương.

b) Kinh phí giao ngoài định mức (kinh phí không thực hiện tự chủ)

Trên cơ sở dự toán ngân sách của các đơn vị và khả năng cân đối bố trí ngân sách của Bộ, ngoài một số nhiệm vụ chi được thông báo chi tiết, năm 2023 ưu tiên cho các nhiệm vụ sau:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ Bộ Tài chính giao chi tiết. Đối với kinh phí may sắm trang phục THADS, đầu năm giao theo số Bộ Tài chính thông báo, số còn thiếu (hơn 5.000 triệu đồng sẽ đề nghị BTC bổ sung trong năm);

- Kinh phí triển khai các kết luận, chỉ thị của BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thuôc trách nhiệm triển khai của Bộ Tư pháp;

- Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện Đề án 06 của Chính phủ phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định VBQPPL, công tác kiểm tra VBQPPL; công tác phổ biến GDPL; kinh phí triển khai các luật, nghị định, chương trình, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thuộc trách nhiệm triển khai của Bộ Tư pháp;

- Đối với kinh phí ứng dụng CNTT, Bộ ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện theo ý kiến của Đoàn thanh tra của Bộ Công an, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Thông tin và truyền thông

- Kinh phí thuê kho, trụ sở, kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù khác của các cơ quan Thi hành án dân sự.

- Kinh phí mua sắm tài sản lớn thay thế cho tài sản đã đủ điều kiện thanh lý (xe ô tô, máy photocopy).

*1.1.2. Đối với kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ; hoạt động kinh tế; sự nghiệp bảo vệ môi trường; sự nghiệp văn hóa thông tin; bảo đảm xã hội; chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ dự toán kinh phí cho các dự án, chương trình, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

*1.1.3. Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước*

Phân bổ cho các đơn vị để tổ chức, chọn cử cán bộ tham gia các lớp, chương trình, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023 được phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Quyết định số 2569/QĐ-BTP ngày 27/12/2022.

*1.1.4. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*

Bố trí theo số giao cụ thể của Bộ Tài chính để thực hiện một số chính sách cho học sinh, sinh viên thực hiện: (1) Kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên theo Quyết định số 66/2016/QĐ-TTg ngày 11/11/2013: 1.440 triệu đồng; (2) Kinh phí thực hiện chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015: 9.431 triệu đồng; (3) Kinh phí thực hiện miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021: 17.150 triệu đồng; (4) Kinh phí đào tạo chấp hành viên; (5) Kinh phí thuê giáo viên thỉnh giảng; (6) Kinh phí đảm bảo chi thường xuyên cho các trường Cao đẳng Luật

**1.2. Phân bổ số vốn ngoài nước**

Trên cơ sở số vốn ngoài nước được giao 48.080 triệu đồng, Bộ đã phân bổ số vốn được thông báo cho từng dự án, từng hoạt động căn cứ hiệp định đã ký kết và khả năng thực hiện của từng dự án/phi dự án.

**2. Phân bổ dự toán chi cho các đơn vị**

**2.1. Khối các đơn vị thuộc Bộ**

*2.1.1. Dự toán chi quản lý hành chính nhà nước*

Trong tổng số 2.306.680 triệu đồng được cấp, Cục KHTC trình Bộ phân bổ cho các đơn vị để thực hiện các nội dung chi (1) Tiền lương và các khoản đóng góp; (2) Chi thường xuyên theo biên chế (tự chủ tài chính) và (3) Chi ngoài định mức (không tự chủ)

*(Chi tiết theo Phụ lục số IV đính kèm)*

*2.1.2. Chi SN giáo dục đào tạo (Chi tiết theo Phụ lục số VI đính kèm)*

*2.1.3. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (Chi tiết theo Phụ lục số VII đính kèm*

*2.1.4. Chi các hoạt động kinh tế (Chi tiết theo Phụ lục số VIII đính kèm)*

*2.1.5. Chi SN bảo vệ môi trường (Chi tiết tại Phụ lục số IX đính kèm)*

*2.1.6. Chi bảo đảm xã hội (Chi tiết theo Phụ lục số X đính kèm)*

*2.1.7. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo Phụ lục số XI đính kèm)*

*2.1.8. Vốn viện trợ và vốn đối ứng (Chi tiết theo Phụ lục số XII đính kèm)*

**2.2. KHỐI THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

(i) Kinh phí chi lương 1.143.556 triệu đồng, gồm lương cho số biên chế có mặt và lương cho 154 biên chế chưa tuyển.

(ii) Chi thường xuyên theo định mức 68,5 triệu đồng/biên chế cấp cho 8.833 biên chế.

(iii) Chi đặc thù ngoài định mức: 281.200 triệu đồng, gồm:

Kinh phí thực hiện bồi thường nhà nước 10.000 triệu đồng; kinh phí may sắm trang phục: 33.500 triệu đồng; kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án: 100.000 triệu đồng; kinh phí thừa phát lại: 6.000 triệu đồng; kinh phí tạm ứng cưỡng chế: 65.000 triệu đồng; kinh phí cưỡng chế ngân sách chịu: 1.000 triệu đồng; kinh phí tinh giản biên chế 8.000 triệu đồng; kinh phí bảo trì, sửa chữa trụ sở: 40.000 triệu đồng; kinh phí thuê kho, trụ sở 15.000 triệu đồng; kinh phí án điểm 1.700 triệu đồng; kinh phí tiêu hủy tang vật 1.000 triệu đồng.

Trên cơ sở phương án phân bổ dự toán của Tổng cục, Cục Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ phương án phân bổ ***được tổng hợp tại Phụ lục V đính kèm.***

**2.3. Trích lập quỹ thi đua khen thưởng ngành tư pháp**

Trên cơ sở dự toán kinh phí Quỹ Thi đua khen thưởng ngành Tư pháp năm 2023 là 9.672 triệu đồng, Bộ dự kiến trích lập Quỹ Thi đua khen thưởng năm 2023 tương đương với 1,5% quỹ tiền lương ngạch, bậc chức vụ của số biên chế có mặt tại thời điểm 01/12/2022.

Đối với Trường Đại học luật Hà Nội, Học viện Tư pháp, Báo Pháp luật Việt Nam, các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và Nhà Xuất bản Tư pháp là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo kinh phí hoạt động, không thuộc đối tượng bắt buộc trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của ngành. Tuy nhiên, viên chức và người lao động của các đơn vị này cũng thuộc đối tượng được Bộ trưởng khen thưởng và chi khen thưởng từ quỹ của Bộ. Vì vậy, đề nghị các đơn vị có đóng góp vào Quỹ Thi đua khen thưởng của Ngành để Bộ có thêm nguồn kinh phí chi khen thưởng cho các đơn vị.

**Phần II**

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

**I. QUYẾT TOÁN VỐN NĂM 2021**

Bộ Tư pháp tổng hợp và lập và BCQT tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách năm 2021 gửi Bộ Tài chính ngày 24/8/2022 và được Bộ Tài chính thẩm định theo Thông báo số 716/TB-BTC ngày 07/11/2022 về việc Thông báo thẩm định Quyết toán vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách năm 2021 của Bộ Tư pháp. Cụ thể như sau:

Kế hoạch vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn kế hoạch các năm trước sang năm 2021 là 52.116 trđ; Kế hoạch vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi nguồn NSNN từ khởi công đến hết niên độ năm trước chuyển sang năm 2021 là 387.412trđ; Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2021 là 319.900 trđ; Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành quyết toán trong năm là 479.530 trđ (thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm trước năm 2021 là 211.533 trđ; thanh toán khối lượng hoàn thành vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm 2021 là 22.577 trđ, thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2021 là 245.419 trđ).

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

**1. Tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022**

a) Thực hiện Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 với tổng kinh phí **1.084.800** triệu đồng, tính đến ngày 28/6/2022, Bộ Tư pháp đã phân bổ và giao chi tiết với tổng số kinh phí là 520.075 triệu đồng (48%) cho 67 dự án đủ điều kiện phân bổ.

Số vốn còn lại chưa phân bổ là 564.725 triệu đồng Bộ Tư pháp đã báo cáo[[3]](#footnote-3) và đề nghị trả lại để điều chuyển cho các bộ, ngành địa phương khác. Hiện tại, số vốn này đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ thông qua và điều chỉnh giảm để điều chuyển cho các bộ, cơ quan, địa phương khác (*Nghị quyết số 584/2022/NQ-QH15 ngày 30/8/2022; Quyết định số 1126/QĐ-TTg ngày 25/9/2022*).

b) Ngoài kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 được giao, Bộ Tư pháp còn có 69.276 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2021 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thông báo kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn sang năm 2022.

b) Ngoài kế hoạch vốn năm 2021 được giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg, Bộ Tư pháp còn có kế hoạch vốn năm 2019, 2020 kéo dài sang năm 2021, cụ thể:

c) Trong quá trình điều hành ngân sách năm 2022, do những nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau, một số dự án thuộc Bộ Tư pháp đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2022 nhưng gặp vướng mắc chưa thể đẩy mạnh việc triển khai và giải ngân. Thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ, trên cơ sở rà soát, đánh giá khả năng giải ngân kế hoạch vốn, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 3563/BTP-KHTC ngày 23/9/2022 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tiếp tục tổng hợp đề xuất giảm 395.000 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2022 của Bộ Tư pháp để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét để điều chuyển cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khác để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính vẫn chưa có ý kiến chấp thuận điều chuyển do chưa có Bộ, cơ quan trung ương và địa phương nào đề xuất bổ sung tăng kế hoạch vốn. Tại cuộc họp Tổ Công tác số 1 do Phó Thủ tướng thường trực Phạm Bình Minh chủ trì tháng 12/2022, hầu hết các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tham dự cuộc họp đều kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đối với số vốn không giải ngân hết.

**2. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022**

Trên cơ sở số liệu thể hiện trên hệ thống Tabmis, số vốn năm 2022 các dự án đã giải ngân tính đến ngày 28/11/2022 đạt 88.992/589.352 triệu đồng (bao gồm 520.075 triệu đồng vốn 2022 và 69.276 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sáng 2022). Tương đương tỷ lệ 15,1% tổng số kế hoạch vốn phải giải ngân (nếu không tính số vốn 395.000 triệu đồng Bộ Tư pháp đã đề nghị trả lại thì tỷ lệ giải ngân đạt 45,8%).

Để thúc đẩy việc triển khai và giải ngân kế hoạch vốn các dự án, song song với việc đẩy mạnh hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới, các dự án chuyển tiếp Bộ cũng đã có nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, quán triệt, đôn đốc, hướng dẫn triển khai và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Bộ cũng đã 02 lần rà soát và ban hành Quyết định điều chuyển vốn cho các dự án. Tuy nhiên, do năm 2022, số vốn bố trí cho dự án Cơ sở 2 Trường Đại học Luật (chiếm 76%) nhưng do vướng mắc không kịp đẩy mạnh triển khai và mở mới các hạng mục giai đoạn 2 nên không thể giải ngân. Bộ Tư pháp cũng không thể điều chuyển số vốn này cho các dự án khác do các dự án còn lại có quy mô nhỏ không có khả năng tiếp nhận. Bộ Tư pháp đã chủ động rà soát và đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính điều chỉnh giảm kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 124/NQ-CP nhưng do không có Bộ, cơ quan trung ương và địa phương nào có nhu cầu bổ sung thêm kế hoạch vốn nên cũng không thể điều chuyển. Do đó, tính tỷ lệ giải ngân đến thời điểm này của Bộ Tư pháp cũng rất thấp, nằm trong nhóm có tỷ lệ giải ngân thấp hơn tỷ lệ giải ngân mức trung bình cả nước.

Đối với những khó khăn vướng mắc, nhất là vướng mắc tại dự án Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội, Lãnh đạo Bộ đã và đang quyết liệt chỉ đạo để tháo gỡ vướng mắc để triển khai dự án theo kế hoạch.

**II. KẾ HOẠCH PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023**

Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tư pháp và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đâu tư, Bộ Tư pháp đã xây dựng kế hoạch vốn đầu tư năm 2023. Theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2023, Bộ Tư pháp được giao 540.800 **triệu đồng**. Căn cứ vào nguyên tắc, tiêu chí phân bổ đã được quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định số 1513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tư pháp sẽ phân bổ theo các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành, quyết toán để thanh toán toàn bộ công nợ tồn tại theo Quyết định phê duyệt quyết toán;

- Bố trí đủ vốn theo nhu cầu cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022 nhưng phải đủ điều kiện bố trí vốn (tức là còn thời gian thực hiện dự án);

- Bố trí đủ vốn theo nhu cầu cho dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2023 theo thời gian bố trí vốn;

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt để hoàn thành dự án;

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án **khởi công mới đã đủ thủ tục đầu tư**.

Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế vốn đến hết năm 2022 và không vượt quá số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trừ đi số vốn đã giải ngân trong năm 2021 và số vốn bố trí trong năm 2022 của dự án. Mức vốn bố trí cho các dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2023.

**2.** **Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công 2023**

***2.1 Vốn ngân sách nhà nước***

Trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí nói trên, Cục Kế hoạch - Tài chính đang phối hợp với các đơn vị để rà soát, đề xuất phương án phân bổ. Dự kiến phương án phân bổ và giao chi tiết kế hoạch vốn như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung/Ngành, lĩnh vực vốn** |  **Giá trị (tr.đ)**  | **Ghi chú** |
| **I** | **Ngành Công nghệ thông tin** | **43.000**  |   |
| 1 | Dự án chuyển tiếp | 43.000  | 1 dự án |
| **II** | **Ngành kho tàng** | **773**  |   |
| 1 | Dự án đã hoàn thành được phê duyệt quyết toán | 773 | 3 dự án |
| **II** | **Ngành Giáo dục đào tạo** | **150.000**  |   |
| 1 | Dự án chuyển tiếp | 150.000 | 1 dự án |
| **II** | **Ngành Quản lý nhà nước**  | **242.692**  |   |
| 1 | Dự án đã hoàn thành được phê duyệt quyết toán và Dự án chuyển tiếp | 11.927  | 4 dự án |
| 2 | Dự án khởi công mới năm 2023 | 230.765  | 13 dự án |
| **Tổng cộng** | **436.465** | **22 dự án** |

Đến ngày 31/12/2022, số vốn đã phân bổ năm 2023 đạt tỷ lệ sấp xỉ 81% vốn được giao năm 2023.

Trên đây là báo cáo tổng hợp công khai quyết toán ngân sách năm 2021, tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, Bộ Tư pháp báo cáo công khai trước Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan Bộ để các đơn vị và cá nhân biết, giám sát kiểm tra tình hình chi tiêu, sử dụng ngân sách của từng đơn vị. Đơn vị, cá nhân nào muốn tìm hiểu sâu hơn các thông tin trên đề nghị liên hệ với Cục Kế hoạch - Tài chính để được cung cấp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ trưởng (để báo cáo);- Các Thứ trưởng (để báo cáo);- Văn phòng Bộ (để tổng hợp); - Lưu: VT, KHTC. | **TL. BỘ TRƯỞNG****CỤC TRƯỞNG CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH****Phan Anh Tuấn** |

1. Quyết định số 1952/QĐ-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Công văn số 4999/BTP-KHTC ngày 30/12/2021 về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2022. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 2578/QĐ-BTP ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Công văn số 5240b/BTP-KHTC ngày 28/12/2022 thông báo chi tiết dự toán NSNN năm 2023 cho Tổng cục THADS; Công văn số 5293/BTP-KHTC ngày 30/12/2022 về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2023 cho khối cơ quan Bộ; Công văn số 5292/BTP-KHTC ngày 30/12/2022 gửi Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2023 cho Bộ Tư pháp. [↑](#footnote-ref-2)
3. *Báo cáo số 149/BC-BTP ngày 28/6/2022 của Bộ Tư pháp* [↑](#footnote-ref-3)